

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐƯỜNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 102/NQ-HĐND

Tam Đường, ngày 28 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023
tại một số danh mục dự án**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG
KHOÁ XXI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20/11/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện về danh mục đầu tư các dự án và kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét Tờ trình số 1388/TTr-UBND ngày 22/9/2023 của UBND huyện về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 tại một số danh mục dự án; Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND huyện và ý kiến của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 tại một số danh mục dự án, với tổng kinh phí điều chỉnh là 811.458.000 đồng, trong đó:

1. Nguồn xây dựng cơ bản tập trung: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 05 danh mục dự án, tổng kinh phí 100.690.000 đồng; điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 01 danh mục dự án, tổng kinh phí 100.690.000 đồng.

2. Nguồn Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 644.473.000 đồng, bao gồm:

a) Kế hoạch vốn năm 2023: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 12 danh mục dự án, tổng kinh phí 643.953.000 đồng; điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 4 danh mục dự án, tổng kinh phí 643.953.000 đồng.

b) Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 01 danh mục dự án, tổng kinh phí 520.000 đồng; điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 01 danh mục dự án, tổng kinh phí 520.000 đồng.

3. Nguồn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (*Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023*): Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 02 danh mục dự án, tổng kinh phí 66.295.000 đồng; điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 01 danh mục dự án, tổng kinh phí 66.295.000 đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao

1. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện, các Tổ đại biểu HĐND huyện và đại biểu HĐND huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được HĐND huyện khóa XXI, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 28/9/2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. 

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Tân Thị Quế

BIỂU CHI TIẾT

Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 tại một số danh mục dự án trên địa bàn huyện Tam Đường

(Kèm theo Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của HĐND huyện Tam Đường)

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT dự kiến	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2023 đã giao tại NQ số 82/NQ-HĐND	Kế hoạch vốn điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
				Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Giảm	Tăng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
TỔNG CỘNG					92.058.000	32.782.191	811.458	811.458	32.782.191	
I	NGUỒN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG				32.800.000	13.517.000	100.690	100.690	13.517.000	
1	Nước sinh hoạt bản San Tra Mán xã Tả Lèng	Xã Tả Lèng	2021-2022	58-28/01/2021	2.700.000	669.000	6.094	-	662.906	Ban Quản lý dự án
2	Trường tiểu học và THCS xã Sơn Bình, huyện Tam Đường	Xã Sơn Bình	2022-2023	3988-27/12/2021	9.000.000	3.853.000	32.071	-	3.820.929	
3	Điểm trường tiểu học Chu Va 8 xã Sơn Bình, huyện Tam Đường	Xã Sơn Bình	2022-2023	3989-27/12/2021	2.000.000	900.000	36.944		863.056	
4	Nước sinh hoạt trung tâm xã Giang Ma, huyện Tam Đường	Xã Giang Ma	2022-2023	3991-27/12/2021	5.000.000	2.000.000	9.981		1.990.019	
5	Trường tiểu học và THCS xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường	Xã Nùng Nàng	2022-2023	3987-27/12/2021	7.200.000	3.776.000	15.600		3.760.400	
6	Trường THCS xã Tả Lèng, huyện Tam Đường	Xã Tả Lèng	2023-2024	4086-13/12/2022	6.900.000	2.319.000		100.690	2.419.690	
II	NGUỒN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI				56.402.000	17.887.603	644.473	644.473	17.887.603	
1	Kế hoạch vốn năm 2023				46.842.000	15.156.000	643.953	643.953	15.156.000	
1.1	Dự án 1				5.700.000	2.068.000	12.155	12.155	2.068.000	
	Cụm công trình: Nước sinh hoạt bản Nà Tăm; Nước sinh hoạt bản Nà Ván xã Nà Tăm	Xã Nà Tăm	2022-2024	2695-12/8/2022	2.906.000	1.306.000	12.155		1.293.845	Ban Quản lý dự án
	Nước sinh hoạt bản rừng ổi Khèo Thầu, xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường	Xã Hồ Thầu	2023-2024	4076-13/12/2022	2.794.000	762.000		12.155	774.155	
1.2	Dự án 4				23.600.000	7.888.000	575.321	575.321	7.888.000	
	Đường liên bản Nà Tăm đến bản Nà Ván, Phiêng Giăng đến Coóc Cuông; Đường ngõ bản các bản xã Nà Tăm; Đường trục bản Nà Luông, bản Nà Hiêng, xã Nà Tăm huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Xã Nà Tăm	2022-2024	2608-05/8/2022	5.000.000	1.300.000	266.700		1.033.300	Ban Quản lý dự án
	Nâng cấp các tuyến đường trục bản Huổi Ke, đường nội đồng bản Huổi Ke, Tân Hợp, Đường nội đồng vùng chè Hua Bó, bản Tân Hợp, xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Xã Sơn Bình	2022-2024	2609-05/8/2022	6.400.000	1.198.000	104.200		1.093.800	
	Nâng cấp các tuyến đường nội đồng bản 46, Chu Va 6 xã Sơn Bình	Xã Sơn Bình	2022-2024	2678-12/8/2022	1.500.000	300.000	44.554		255.446	
	Đường ra khu sản xuất bản Hoa Di Hồ, xã Bản Hòn	Xã Bản Hòn	2022-2024	2679-12/8/2022	1.250.000	250.000	116.467		133.533	
	Đường liên bản Chín Chu Chải - Sáy San 3, xã Nùng Nàng	xã Nùng Nàng	2022-2024	2680-12/8/2022	2.500.000	1.640.000	16.900		1.623.100	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT dự kiến	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2023 đã giao tại NQ số 82/NQ-HĐND	Kế hoạch vốn điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
				Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Giảm	Tăng		
	Thủy lợi Háng Là (Háng A Chính) bản Thèn Pá xã Tả Lèng	Xã Tả Lèng	2022-2024	2697-12/8/2022	1.000.000	200.000	4.700		195.300	
	Thủy Lợi Nà Luồng bản Nà Luồng xã Nà Tăm, huyện Tam Đường	Xã Nà Tăm	2023-2025	4078-13/12/2022	1.100.000	1.100.000	20.200		1.079.800	
	Thủy lợi Tê Suối Ngải, TT Tam Đường huyện Tam Đường	TT Tam Đường	2023-2025	4079-13/12/2022	1.100.000	1.100.000	1.600		1.098.400	
	Đường ra khu sản xuất các bản Phan Chu Hoà, Xi Miễn Khan, Sáy San 1 xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường	xã Nùng Nàng	2023-2025	4072-13/12/2022	3.750.000	800.000		575.321	1.375.321	
1.3	Dự án 5				8.192.000	1.976.000	24.622	24.622	1.976.000	
	Trường PTDTBT tiểu học xã Khun Há	xã Khun Há	2022-2024	2692-12/8/2022	1.137.000	537.000	24.622		512.378	
	Trường PTDTBT tiểu học xã Giang Ma, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	xã Giang Ma	2022-2024	2611-12/8/2022	7.055.000	1.439.000		24.622	1.463.622	
1.4	Dự án 9				9.350.000	3.224.000	31.855	31.855	3.224.000	
	Thủy lợi qua suối Nậm Mu khe Huổi Chim bản Phiêng Păng, xã Bản Bo, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	xã Bản Bo	2022-2024	2613-12/8/2022	6.000.000	259.000	24.000		235.000	
	Thủy lợi Huổi Ít 2 bản Đông Pao 2, xã Bản Hôn, huyện Tam Đường	Xã Bản Hôn	2023-2025	4081-13/12/2022	850.000	850.000	7.855		842.145	
	Xây kè đá ngăn lũ bờ suối Nậm Mu bản Phiêng Păng, xã Bản Bo, huyện Tam Đường	Xã Bản Bo	2023-2025	4080-13/12/2022	2.500.000	2.115.000		31.855	2.146.855	
2	Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023				9.560.000	2.731.603	520	520	2.731.603	
2.1	Dự án 9				9.560.000	2.731.603	520	520	2.731.603	
	Thủy lợi Mường Tồn xã Bản Hôn	Xã Bản Hôn	2022-2024	2699-12/8/2022	1.000.000	231.603	520		231.083	
	Nâng cấp trục đường liên bản Bãi Trâu-Nà Khum, đường ngõ bản, đường nội đồng, rãnh thoát nước bản bãi Trâu xã Bản Hôn	Xã Bản Hôn	2023-2025	4074-13/12/2022	8.560.000	2.500.000		520	2.500.520	
III	NGUỒN CHUƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI				2.856.000	1.377.588	66.295	66.295	1.377.588	
1	Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023				2.856.000	1.377.588	66.295	66.295	1.377.588	
	Làm đường nội đồng bản Thèn Pá (Điểm đầu ruộng Giàng A Sinh - điểm cuối ruộng Giàng A Hờ)	Xã Tả Lèng	2022	2684-12/8/2022	550.000	353.633	8.695		344.938	
	Đường trục bản Chu Va 6 xã Sơn Bình, huyện Tam Đường	Xã Sơn Bình	2022-2023	2688-12/8/2022	1.306.000	212.955	57.600		155.355	
	Xây dựng nhà thi đấu đa năng xã Nùng Nàng	xã Nùng Nàng	2023-2025	4084-13/12/2022	1.000.000	811.000		66.295	877.295	

Handwritten signature or mark.